

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2026/DS-ST
Ngày: 28/4/2026
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Văn Trụ;
- Ông Lê Xuân Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 971/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2026/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2026/QĐST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp H, xã D, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Ngô Thị L, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp L, xã L, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: Ấp B, xã D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 16/5/2025, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà P trình bày:*

Do có quan hệ quen biết, bà P có cho bà L vay tiền hai lần. Lần đầu vào ngày 02/11/2021 bà P cho bà L vay số tiền là 300.000.000 đồng. Lần 2: Ngày 08/12/2022 bà P cho bà L vay tiếp số tiền là 210.000.000 đồng. Bà L có làm cho bà P giấy tay mượn tiền vào ngày 08/12/2022 với tổng số tiền vay là 510.000.000 đồng. Bà L hẹn 01 năm sau (ngày 08/12/2023) sẽ trả cho bà P.

Nhưng đến hạn bà L vẫn không trả tiền mà hạn hết lần này đến lần khác nên bà P làm đơn khởi kiện.

Nay, bà P yêu cầu bà L thanh toán số tiền gốc là 510.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 09/12/2023 đến khi xét xử, theo lãi suất 1%/tháng.

Tại phiên tòa, bà P cho rằng bà cho bà L vay hai bên có thỏa thuận lãi suất 1%/tháng. Bà L đóng lãi đến ngày 08/12/2023 thì không tiếp tục đóng lãi. Bà P chỉ cho một mình bà L vay tiền, con bà L là Trần Văn H không biết gì về số tiền vay này. Do đó, bà P yêu cầu bà L thanh toán tiền nợ gốc và lãi cho bà.

Ngoài ra bà P không có ý kiến gì khác.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 24/02/2026 và tại phiên tòa bị đơn bà L trình bày:*

Bà L xác định có vay tiền bà P nhiều lần, tổng số tiền là 510.000.000 đồng chốt lại theo giấy mượn tiền ngày 08/12/2022. Bà L đến nhà bà P để mượn tiền, bà P giao cho bà L tiền mặt, giấy mượn tiền do bà P ghi, bà L ký và ghi họ tên, bà P kêu bà L cầm về cho con bà L tên Trần Văn H ký để làm tin chứ con bà L không vay tiền gì của bà P. Việc vay tiền không có thỏa thuận tiền lãi, thời hạn trả là một năm. Bà L thừa nhận số tiền nợ là 510.000.000 đồng và thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy mượn tiền ngày 08/12/2022.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà P, bà L đồng ý thanh toán số tiền nợ gốc là 510.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn 01%/tháng theo quy định của pháp luật (từ ngày 09/12/2023 đến ngày Tòa án có bản án giải quyết vụ án).

Do hiện tại bà L đang rất khó khăn nên xin bà P cho bà L được gia hạn thời gian thanh toán nợ là 06 tháng. Đến ngày 24/9/2026, bà L sẽ thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi cho bà P.

Tại phiên tòa, bà L trình bày việc vay tiền hai bên có thỏa thuận lãi suất và bà L đã đóng lãi cho bà P đến tháng 8/2025, tuy nhiên bà không có chứng cứ gì chứng minh việc đóng lãi này. Nay bà P yêu cầu bà thanh toán số tiền 510.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 9/12/2023 đến khi xét xử là 1%/tháng thì bà đồng ý thanh toán.

Ngoài ra, bà L không trình bày gì thêm.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ, sau khi nghe lời trình bày của các đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc P khởi kiện bà Ngô Thị L yêu cầu thanh toán số tiền vay 510.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 09/12/2023 đến khi xét xử, theo lãi suất 1%/tháng. Do đó, quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Ngô Thị L có nơi cư trú tại ấp B, xã D, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Bà P cho bà L vay tiền hai lần vào ngày 02/11/2021 và ngày 08/12/2022 với tổng số tiền là 510.000.000 đồng. Bà L có làm cho giấy tay mượn tiền và hẹn 01 năm sau sẽ trả. Bà L thừa nhận có vay, có ký tên, ghi họ tên trong giấy mượn tiền này nên xem là sự thật không cần phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo giấy mượn tiền ngày 08/12/2022 bà P cho bà L vay thời hạn là 01 năm, không thể hiện có thỏa thuận lãi suất. Bà P cho rằng hai bên có thỏa thuận miệng về lãi suất là 01%/tháng, bà L thừa nhận các bên có thỏa thuận về lãi suất nhưng lãi suất thỏa thuận là 03%/tháng. Như vậy đây là hợp đồng vay có thời hạn và có thỏa thuận lãi suất.

[2.2] Về số tiền gốc: Theo giấy mượn tiền thì bà P cho bà L vay có thời hạn 01 năm. Tuy nhiên đến nay bà L vẫn chưa thanh toán tiền cho bà P là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, bà P yêu cầu bà L thanh toán số tiền gốc là 510.000.000 đồng, bà L đồng ý thanh toán số tiền này nên ghi nhận.

[2.3] Về tiền lãi: Mặc dù trong giấy mượn tiền các bên không ghi thỏa thuận tiền lãi, nhưng tại phiên tòa bà P và bà L đều thừa nhận có thỏa thuận lãi nên xem là sự thật không cần phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Các bên trình bày lãi suất khác nhau, nhưng không bên nào cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 xác định tiền lãi trong hạn là 10%/tháng. Sau khi hết hạn 01 năm mà không trả nợ, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Theo điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, lãi trên nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn, do đó lãi suất quá hạn pháp luật cho phép áp dụng

là 15%/năm (1,25%/tháng). Tuy nhiên, xét theo nguyên tắc tự định đoạt của dân sự, do nguyên đơn tự nguyện chỉ yêu cầu tính mức lãi 1%/tháng (12%/năm) thấp hơn mức trần 15%/năm và có lợi hơn cho bị đơn. Bà P yêu cầu lãi suất quá hạn tính từ ngày 09/12/2023 đến khi xét xử với lãi suất 1%/tháng là phù hợp quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Bà L đồng ý thanh toán số tiền lãi này nên ghi nhận.

Tiền lãi được tính như sau:

$510.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/tháng \times 28 \text{ tháng} 20 \text{ ngày (09/12/2023 đến 28/4/2026)} = 142.800.000 \text{ đồng} + 3.400.000 \text{ đồng} = 146.200.000 \text{ đồng}.$

[3] Về yêu cầu xin gia hạn trả nợ của bị đơn: Bị đơn xin được gia hạn thời gian trả nợ thêm 06 tháng do hoàn cảnh khó khăn. Tuy nhiên, đây là nghĩa vụ dân sự đã đến hạn, việc chậm thực hiện nghĩa vụ đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Nguyên đơn không đồng ý việc gia hạn nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của bị đơn.

[4] Về các vấn đề khác: Đối với việc giấy mượn tiền có chữ ký của ông Trần Văn H nhưng các bên đều xác nhận ông H không tham gia vay tiền, không có nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm của người này trong vụ án.

[5] Về án phí: Bị đơn bà L phải chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán cho bà P.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của bà Nguyễn Thị Ngọc P đối với bà Ngô Thị L.

Buộc bà Ngô Thị L thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ngọc P số tiền 656.200.000 đồng (sáu trăm năm mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng) gồm tiền

gốc 510.000.000 đồng (năm trăm mười triệu đồng) và tiền lãi 146.200.000 đồng (một trăm bốn mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Ngô Thị L chịu 30.248.000 đồng (ba mươi triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

- H1 lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc P 15.663.750 đồng (mười lăm triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp theo Biên lai thu số 0048050 ngày 10/12/2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18
- Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thùy Linh